

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2022

*

**KẾT QUẢ BÌNH QUÂN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B151**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	KHỐI I	KHỐI II	KHỐI III	BÌNH QUÂN	GHI CHÚ
1	1	Biện Công	Bằng	1983	7.50	6.50	7.00	7.00	
2	2	Nguyễn Minh	Bộ	1972	6.50	5.50	6.50	6.17	
3	3	Lê Nguyên	Cần	1982	7.00	5.00	7.00	6.33	
4	4	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	1972	7.00	6.50	7.00	6.83	
5	5	Trần Thị	Đậm	1982	7.00	6.50	8.50	7.33	
6	6	Trần Văn Kim	Danh	1984	7.00	6.00	7.00	6.67	
7	7	Nguyễn Thanh Quốc	Đạt	1982	7.00	6.50	6.00	6.50	
8	8	Lê Thanh	Điền	1984	7.00	7.00	7.50	7.17	
9	9	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1983	6.50	6.50	5.00	6.00	
10	10	Phạm Chí	Hiếu	1969	5.50	5.50	7.50	6.17	
11	11	Lâm Võ Minh	Hoài	1978	7.50	6.00	8.00	7.17	
12	12	Lương Minh	Hoàng	1983	5.50	6.00	6.00	5.83	
13	13	Trần Chí	Hoàng	1981	6.50	6.50	7.00	6.67	
14	14	Phạm Thị Thanh	Hương	1982	7.00	6.50	6.00	6.50	
15	15	Hồ Tuấn	Huy	1973	6.50	7.50	6.50	6.83	
16	16	Phan Đình	Huy	1980	5.50	7.00	7.00	6.50	
17	17	Trương Thái	Kha	1985	7.00	7.00	6.50	6.83	
18	18	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	1979	6.00	7.00	7.00	6.67	
19	19	Nguyễn Thanh	Kiên	1980	6.00	6.00	7.00	6.33	
20	20	Nguyễn Thị	Lan	1987	7.00	6.00	7.00	6.67	
21	21	Hồng Thủy	Liên	1987	8.00	6.00	7.00	7.00	
22	22	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1989	7.00	6.50	7.00	6.83	
23	23	Nguyễn Hữu	Nghĩa	1969	5.50	7.50	8.00	7.00	
24	24	Trang Lập	Nguyên	1980	6.50	7.50	7.00	7.00	
25	25	Lê Hồng	Nhân	1974	7.00	7.00	7.00	7.00	
26	26	Lê Thị Tuyết	Nhung	1985	7.00	5.00	7.50	6.50	
27	27	Nguyễn Hữu	Ni	1978	7.00	6.50	6.00	6.50	
28	28	Chung Trần	Phan	1986	7.50	7.00	7.50	7.33	
29	29	Đặng Văn	Phong	1979	5.50	7.00	7.00	6.50	
30	30	Phan Văn	Phú	1985	7.00	6.00	7.50	6.83	
31	31	Nguyễn Hoàng	Phú	1982	7.00	7.00	7.50	7.17	
32	32	Phan Hữu	Phúc	1981	8.00	7.00	8.00	7.67	
33	33	Đỗ Văn	Phúc	1969	5.50	5.00	5.50	5.33	
34	34	Tăng Kim	Phượng	1982	7.50	6.00	7.00	6.83	
35	35	Nguyễn Thanh	Quang	1978	7.00	5.00	7.50	6.50	
36	36	Võ Văn	Quốc	1972	5.00	7.50	7.00	6.50	
37	37	Phạm Minh	Sang	1981	7.00	7.00	7.50	7.17	
38	38	Võ Thanh	Sang	1983	7.50	7.50	7.50	7.50	
39	39	Võ Thanh	Tâm	1981	7.50	6.50	7.50	7.17	
40	40	Bùi Văn	Tâm	1975	7.50	5.00	8.00	6.83	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	KHỐI I	KHỐI II	KHỐI III	BÌNH QUÂN	GHI CHÚ
41	41	Mai Quốc	Thái	1976	6.00	6.00	7.00	6.33	
42	42	Trần Quyết	Thắng	1978	8.00	5.00	7.50	6.83	
43	43	Trần Huỳnh Diễm	Thanh	1977	8.00	5.00	8.00	7.00	
44	44	Phan Duy	Thanh	1979	8.00	7.00	8.00	7.67	
45	45	Trương Vạn	Thanh	1981	7.50	6.50	6.00	6.67	
46	46	Trần Thanh	Thảo	1985	7.50	7.50	7.50	7.50	
47	47	Đỗ Thị Bích	Thảo	1985	8.00	6.50	7.00	7.17	
48	48	Trần Thị Ngọc	Thu	1979	6.50	7.50	8.50	7.50	
49	49	Hồ Thanh	Tiến	1985	6.00	6.50	6.50	6.33	
50	50	Phạm Thanh	Út	1981	8.00	7.50	8.00	7.83	
51	51	Văng Thị	Vân	1983	5.00	6.50	7.50	6.33	
52	52	Trương Hồng	Vũ	1983	7.00	7.00	7.00	7.00	
53	53	Trần Bảo	Vũ	1984	7.50	6.00	7.50	7.00	
54	54	Phan Văn	Lôi	1986	8.00	6.00	7.00	7.00	

* Tổng số bài thi:

54

Giỏi

0

- Số bài đạt:

54

Khá

23

- Số không đạt:

0

TB

31

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B151
KHỐI KIẾN THỨC I

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Biện Công Bằng	1983	7.50	K28	
2	2	Nguyễn Minh Bộ	1972	6.50	K29	
3	3	Lê Nguyên Cẩn	1982	7.00	K30	
4	4	Nguyễn Thị Ngọc Châu	1972	7.00	K31	
5	5	Trần Thị Đạm	1982	7.00	K32	
6	6	Trần Văn Kim Danh	1984	7.00	K33	
7	7	Nguyễn Thanh Quốc Đạt	1982	7.00	K34	
8	8	Lê Thanh Điền	1984	7.00	K35	
9	9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1983	6.50	K36	
10	10	Phạm Chí Hiếu	1969	5.50	K37	
11	11	Lâm Võ Minh Hoài	1978	7.50	K38	
12	12	Lương Minh Hoàng	1983	5.50	K39	
13	13	Trần Chí Hoàng	1981	6.50	K40	
14	14	Phạm Thị Thanh Hương	1982	7.00	K41	
15	15	Hồ Tuấn Huy	1973	6.50	K42	
16	16	Phan Đình Huy	1980	5.50	K43	
17	17	Trương Thái Kha	1985	7.00	K44	
18	18	Nguyễn Thị Đăng Khoa	1979	6.00	K45	
19	19	Nguyễn Thanh Kiên	1980	6.00	K46	
20	20	Nguyễn Thị Lan	1987	7.00	K47	
21	21	Hồng Thủy Liên	1987	8.00	K48	
22	22	Nguyễn Thị Bích Ngân	1989	7.00	K49	
23	23	Nguyễn Hữu Nghĩa	1969	5.50	K50	
24	24	Trang Lập Nguyên	1980	6.50	K51	
25	25	Lê Hồng Nhân	1974	7.00	K52	
26	26	Lê Thị Tuyết Nhung	1985	7.00	K53	
27	27	Nguyễn Hữu Ni	1978	7.00	K54	
28	28	Chung Trần Phan	1986	7.50	K1	
29	29	Đặng Văn Phong	1979	5.50	K2	
30	30	Phan Văn Phú	1985	7.00	K3	
31	31	Nguyễn Hoàng Phú	1982	7.00	K4	
32	32	Phan Hữu Phúc	1981	8.00	K5	
33	33	Đỗ Văn Phúc	1969	5.50	K6	
34	34	Tăng Kim Phụng	1982	7.50	K7	
35	35	Nguyễn Thanh Quang	1978	7.00	K8	
36	36	Võ Văn Quế	1972	5.00	K9	

Điểm TTN khối I - B151

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Phạm Minh	Sang	1981	7.00	K10	
38	38	Võ Thanh	Sang	1983	7.50	K11	
39	39	Võ Thanh	Tâm	1981	7.50	K12	
40	40	Bùi Văn	Tâm	1975	7.50	K13	
41	41	Mai Quốc	Thái	1976	6.00	K14	
42	42	Trần Quyết	Thắng	1978	8.00	K15	
43	43	Trần Huỳnh Diễm	Thanh	1977	8.00	K16	
44	44	Phan Duy	Thanh	1979	8.00	K17	
45	45	Trương Vạn	Thanh	1981	7.50	K18	
46	46	Trần Thanh	Thảo	1985	7.50	K19	
47	47	Đỗ Thị Bích	Thảo	1985	8.00	K20	
48	48	Trần Thị Ngọc	Thu	1979	6.50	K21	
49	49	Hồ Thanh	Tiến	1985	6.00	K22	
50	50	Phạm Thanh	Út	1981	8.00	K23	
51	51	Văng Thị	Vân	1983	5.00	K24	
52	52	Trương Hồng	Vũ	1983	7.00	K25	
53	53	Trần Bảo	Vũ	1984	7.50	K26	
54	54	Phan Văn	Lôi	1986	8.00	K27	Lớp A86

* Tổng số bài thi: **54**
- Số bài đạt: **54**
- Số không đạt: **0**

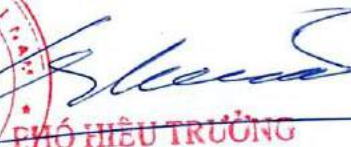
Giỏi **8**
Khá **27**
TB **19**

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

**K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B151
KHOI KIẾN THỨC II

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Biện Công Bằng	1983	6.50	P27	
2	2	Nguyễn Minh Bộ	1972	5.50	P28	
3	3	Lê Nguyên Cần	1982	5.00	P29	
4	4	Nguyễn Thị Ngọc Châu	1972	6.50	P30	
5	5	Trần Thị Đạm	1982	6.50	P31	
6	6	Trần Văn Kim Danh	1984	6.00	P32	
7	7	Nguyễn Thanh Quốc Đạt	1982	6.50	P33	
8	8	Lê Thanh Điền	1984	7.00	P34	
9	9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1983	6.50	P35	
10	10	Phạm Chí Hiếu	1969	5.50	P36	
11	11	Lâm Võ Minh Hoài	1978	6.00	P37	
12	12	Lương Minh Hoàng	1983	6.00	P38	
13	13	Trần Chí Hoàng	1981	6.50	P39	
14	14	Phạm Thị Thanh Hương	1982	6.50	P40	
15	15	Hồ Tuấn Huy	1973	7.50	P41	
16	16	Phan Đình Huy	1980	7.00	P42	
17	17	Trương Thái Kha	1985	7.00	P43	
18	18	Nguyễn Thị Đăng Khoa	1979	7.00	P44	
19	19	Nguyễn Thanh Kiên	1980	6.00	P45	
20	20	Nguyễn Thị Lan	1987	6.00	P46	
21	21	Hồng Thủy Liên	1987	6.00	P47	
22	22	Nguyễn Thị Bích Ngân	1989	6.50	P48	
23	23	Nguyễn Hữu Nghĩa	1969	7.50	P49	
24	24	Trang Lập Nguyên	1980	7.50	P50	
25	25	Lê Hồng Nhân	1974	7.00	P51	
26	26	Lê Thị Tuyết Nhung	1985	5.00	P52	
27	27	Nguyễn Hữu Ni	1978	6.50	P53	
28	28	Chung Trần Phan	1986	7.00	P1	
29	29	Đặng Văn Phong	1979	7.00	P2	
30	30	Phan Văn Phú	1985	6.00	P3	
31	31	Nguyễn Hoàng Phú	1982	7.00	P4	
32	32	Phan Hữu Phúc	1981	7.00	P5	
33	33	Đỗ Văn Phúc	1969	5.00	P6	
34	34	Tăng Kim Phụng	1982	6.00	P7	
35	35	Nguyễn Thanh Quang	1978	5.00	P8	
36	36	Võ Văn Quế	1972	7.50	P9	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Phạm Minh	Sang	1981	7.00	P10	
38	38	Võ Thanh	Sang	1983	7.50	P11	
39	39	Võ Thanh	Tâm	1981	6.50	P12	
40	40	Bùi Văn	Tâm	1975	5.00	P13	
41	41	Mai Quốc	Thái	1976	6.00	P14	
42	42	Trần Quyết	Thắng	1978	5.00	P15	
43	43	Trần Huỳnh Diễm	Thanh	1977	5.00	P16	
44	44	Phan Duy	Thanh	1979	7.00	P17	
45	45	Trương Vạn	Thanh	1981	6.50	P18	
46	46	Trần Thanh	Thảo	1985	7.50	P54	
47	47	Đỗ Thị Bích	Thảo	1985	6.50	P19	
48	48	Trần Thị Ngọc	Thu	1979	7.50	P20	
49	49	Hồ Thanh	Tiến	1985	6.50	P21	
50	50	Phạm Thanh	Út	1981	7.50	P22	
51	51	Văng Thị	Vân	1983	6.50	P23	
52	52	Trương Hồng	Vũ	1983	7.00	P24	
53	53	Trần Bảo	Vũ	1984	6.00	P25	
54	54	Phan Văn	Lôi	1986	6.00	P26	Lớp A86

* Tổng số bài thi: **54**
- Số bài đạt: **54**
- Số không đạt: **0**

Giỏi **0**
Khá **20**
TB **34**

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân



Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B151
KHỐI KIẾN THỨC III

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Biện Công Bằng	1983	7.00	Q28	
2	2	Nguyễn Minh Bộ	1972	6.50	Q29	
3	3	Lê Nguyên Cẩn	1982	7.00	Q30	
4	4	Nguyễn Thị Ngọc Châu	1972	7.00	Q31	
5	5	Trần Thị Đạm	1982	8.50	Q32	
6	6	Trần Văn Kim Danh	1984	7.00	Q33	
7	7	Nguyễn Thanh Quốc Đạt	1982	6.00	Q34	
8	8	Lê Thanh Điền	1984	7.50	Q35	
9	9	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1983	5.00	Q36	
10	10	Phạm Chí Hiếu	1969	7.50	Q37	
11	11	Lâm Võ Minh Hoài	1978	8.00	Q38	
12	12	Lương Minh Hoàng	1983	6.00	Q39	
13	13	Trần Chí Hoàng	1981	7.00	Q40	
14	14	Phạm Thị Thanh Hương	1982	6.00	Q41	
15	15	Hồ Tuấn Huy	1973	6.50	Q42	
16	16	Phan Đình Huy	1980	7.00	Q43	
17	17	Trương Thái Kha	1985	6.50	Q44	
18	18	Nguyễn Thị Đăng Khoa	1979	7.00	Q45	
19	19	Nguyễn Thanh Kiên	1980	7.00	Q46	
20	20	Nguyễn Thị Lan	1987	7.00	Q47	
21	21	Hồng Thủy Liên	1987	7.00	Q48	
22	22	Nguyễn Thị Bích Ngân	1989	7.00	Q49	
23	23	Nguyễn Hữu Nghĩa	1969	8.00	Q50	
24	24	Trang Lập Nguyên	1980	7.00	Q51	
25	25	Lê Hồng Nhân	1974	7.00	Q52	
26	26	Lê Thị Tuyết Nhung	1985	7.50	Q53	
27	27	Nguyễn Hữu Ni	1978	6.00	Q54	
28	28	Chung Trần Phan	1986	7.50	Q1	
29	29	Đặng Văn Phong	1979	7.00	Q2	
30	30	Phan Văn Phú	1985	7.50	Q3	
31	31	Nguyễn Hoàng Phú	1982	7.50	Q4	
32	32	Phan Hữu Phúc	1981	8.00	Q5	
33	33	Đỗ Văn Phúc	1969	5.50	Q6	
34	34	Tăng Kim Phụng	1982	7.00	Q7	
35	35	Nguyễn Thanh Quang	1978	7.50	Q8	
36	36	Võ Văn Quế	1972	7.00	Q9	

Điểm TTN khối III - B151

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Phạm Minh	Sang	1981	7.50	Q10	
38	38	Võ Thanh	Sang	1983	7.50	Q11	
39	39	Võ Thanh	Tâm	1981	7.50	Q12	
40	40	Bùi Văn	Tâm	1975	8.00	Q13	
41	41	Mai Quốc	Thái	1976	7.00	Q14	
42	42	Trần Quyết	Thắng	1978	7.50	Q15	
43	43	Trần Huỳnh Diễm	Thanh	1977	8.00	Q16	
44	44	Phan Duy	Thanh	1979	8.00	Q17	
45	45	Trương Vạn	Thanh	1981	6.00	Q18	
46	46	Trần Thanh	Thảo	1985	7.50	Q19	
47	47	Đỗ Thị Bích	Thảo	1985	7.00	Q20	
48	48	Trần Thị Ngọc	Thu	1979	8.50	Q21	
49	49	Hồ Thanh	Tiến	1985	6.50	Q22	
50	50	Phạm Thanh	Út	1981	8.00	Q23	
51	51	Văng Thị	Vân	1983	7.50	Q24	
52	52	Trương Hồng	Vũ	1983	7.00	Q25	
53	53	Trần Bảo	Vũ	1984	7.50	Q26	
54	54	Phan Văn	Lôi	1986	7.00	Q27	Lớp A86

* Tổng số bài thi: **54**
- Số bài đạt: **54**
- Số không đạt: **0**

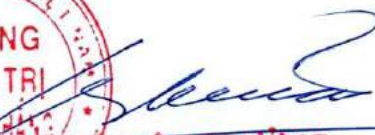
Giỏi **9**
Khá **33**
TB **12**

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thành Nhân